

Số: **14** /2020/TT-BCT

Hà Nội, ngày **30** tháng 6 năm 2020

## **THÔNG TƯ**

### **Hướng dẫn một số quy định về thanh tra chuyên ngành Công Thương**

*Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành;*

*Căn cứ Nghị định số 127/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Công Thương, Nghị định số 54/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 127/2015/NĐ-CP;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ;*

*Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư hướng dẫn một số quy định về thanh tra chuyên ngành Công Thương.*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn về bộ phận tham mưu công tác thanh tra chuyên ngành; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành; nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành; nhiệm vụ, quyền hạn của Cục thuộc Tổng cục Quản lý thị trường; trang phục, tiêu chuẩn, Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành; công tác bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành Công Thương và kế hoạch thanh tra chuyên ngành.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với Thanh tra Bộ Công Thương; các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành Công Thương; Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành Công Thương; người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành Công Thương và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 3. Bộ phận tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành tại Tổng cục Quản lý thị trường và tương đương, Cục thuộc Bộ Công Thương, Cục thuộc Tổng cục Quản lý thị trường**

1. Bộ phận tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành tại Tổng cục Quản lý thị trường và tương đương, Cục thuộc Bộ Công Thương, Cục thuộc Tổng cục Quản lý thị trường (sau đây gọi là bộ phận tham mưu) có chức năng tham mưu, giúp Tổng cục trưởng, Cục trưởng thuộc Tổng cục Quản lý thị trường, Cục trưởng thuộc Bộ Công Thương tổ chức thực hiện công tác thanh tra chuyên ngành trong phạm vi thẩm quyền quản lý của Tổng cục, Cục thuộc Tổng cục Quản lý thị trường, Cục thuộc Bộ Công Thương (sau đây gọi chung là cơ quan). Bộ phận tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành tại Tổng cục tổ chức theo mô hình Vụ; tại Cục thuộc Bộ Công Thương, Cục thuộc Tổng cục Quản lý thị trường tổ chức theo mô hình Phòng.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ phận tham mưu:

a) Tham mưu, giúp Tổng cục trưởng và tương đương, Cục trưởng thuộc Bộ Công Thương, Cục trưởng thuộc Tổng cục Quản lý thị trường (sau đây gọi chung là thủ trưởng cơ quan) thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Nghị định số 127/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Công Thương, Nghị định số 54/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 127/2015/NĐ-CP (sau đây gọi chung là Nghị định số 127/2015/NĐ-CP);

b) Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tham mưu, giúp thủ trưởng cơ quan xây dựng kế hoạch thanh tra hằng năm, đầu mối phối hợp với Thanh tra Bộ Công Thương trong việc xây dựng kế hoạch thanh tra và điều chỉnh kế hoạch thanh tra hằng năm theo yêu cầu quản lý nhà nước của Bộ, của cơ quan và tình hình thực tế;

c) Tham mưu, giúp thủ trưởng cơ quan trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt;

d) Giúp thủ trưởng cơ quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra, quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo; tham mưu việc giải quyết khiếu nại, tố cáo phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành, kiến nghị xử lý hành vi vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

đ) Tham mưu, giúp thủ trưởng cơ quan trong việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo liên quan đến công tác thanh tra chuyên ngành;

e) Đề nghị các cơ quan cử người tham gia Đoàn thanh tra chuyên ngành;

g) Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra.

**Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành**

Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định số 127/2015/NĐ-CP và nhiệm vụ cụ thể sau:

1. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ phận tham mưu, người đứng đầu bộ phận tham mưu; mối quan hệ công tác giữa bộ phận tham mưu với các bộ phận thuộc cơ quan về công tác thanh tra chuyên ngành và xử lý vi phạm hành chính.

2. Quyết định phân công công chức thuộc quyền quản lý có đủ điều kiện, tiêu chuẩn thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành (Phụ lục số 01).

3. Đề nghị Bộ Công Thương cấp Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành cho người có đủ điều kiện.

4. Tạm đình chỉ sử dụng Thẻ theo quy định tại Điều 12 Thông tư này, thu hồi Thẻ theo quy định tại Điều 13 Thông tư này và gửi về Thanh tra Bộ.

5. Chịu trách nhiệm về tiêu chuẩn của người được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và việc đề nghị cấp Thẻ.

**Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cục thuộc Tổng cục Quản lý thị trường**

1. Xây dựng và gửi kế hoạch thanh tra hằng năm tới Tổng cục tổng hợp gửi Thanh tra Bộ trình Bộ trưởng phê duyệt.

2. Gửi Tổng cục tổng hợp việc điều chỉnh kế hoạch thanh tra gửi Thanh tra Bộ trình Bộ trưởng phê duyệt.

3. Thực hiện kế hoạch thanh tra hằng năm sau khi được Bộ trưởng phê duyệt.

4. Cử công chức của cơ quan tham gia các Đoàn thanh tra liên ngành tại địa phương do các Sở, Ban ngành địa phương chủ trì.

5. Theo phân cấp quản lý, thực hiện giải quyết khiếu nại, tố cáo và các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành.

6. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

**Điều 6. Trang phục của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành**

1. Trang phục của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành Công Thương thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-TTCT ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Thanh tra Chính phủ quy định về trang phục của cán bộ, thanh tra viên, công chức, viên chức thuộc các cơ quan thanh tra nhà nước và Thông tư liên tịch số 73/2015/TTLT-BTC-TTCT ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ quy định chế độ quản lý, cấp phát trang phục đối với thanh tra viên, cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan thanh tra nhà nước. Đối với công chức được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tại các Cục thuộc Bộ Công Thương được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành:

a) Cục trưởng được cấp trang phục, cầu vai, cấp hàm như Phó Chánh Thanh tra Bộ; Phó Cục trưởng được cấp trang phục, cầu vai, cấp hàm như Trưởng phòng của Thanh tra Bộ;

b) Lãnh đạo cấp Phòng được cấp trang phục, cầu vai, cấp hàm như Phó Trưởng phòng thuộc Thanh tra Bộ;

c) Công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được cấp trang phục, cầu vai như Thanh tra viên.

2. Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thuộc cơ quan quản lý thị trường sử dụng trang phục của lực lượng quản lý thị trường.

### **Điều 7. Tiêu chuẩn của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành**

Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành và các tiêu chuẩn sau đây:

1. Đã được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở lên và có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực thanh tra được phân công thực hiện.

2. Có Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra viên trở lên hoặc thanh tra chuyên ngành do cơ quan có thẩm quyền cấp.

### **Điều 8. Chế độ đối với người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành**

Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành được hưởng chế độ bồi dưỡng theo Quyết định số 12/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ bồi dưỡng đối với công chức thanh tra chuyên ngành và các quy định pháp luật khác liên quan.

### **Điều 9. Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành Công Thương**

1. Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành Công Thương (sau đây gọi là Thẻ) do Bộ trưởng Bộ Công Thương cấp cho người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành.

2. Kinh phí làm Thẻ được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho Bộ Công Thương.

3. Thời hạn sử dụng Thẻ là 05 năm kể từ ngày cấp.

4. Hình thức cấp thẻ

a) Cấp mới Thẻ: Khi công chức đủ điều kiện và được thủ trưởng cơ quan phân công thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành;

b) Cấp lại Thẻ: Thẻ hết thời hạn sử dụng; Thẻ bị mất do nguyên nhân khách quan, Thẻ bị hỏng, do thay đổi số Thẻ, tên cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có sự thay đổi hoặc khi có quy định mới của cấp có thẩm quyền thì Thẻ được cấp lại có thời hạn sử dụng và mã số Thẻ như Thẻ đã được cấp trước đó.

### **Điều 10. Hồ sơ cấp Thẻ**

1. Hồ sơ cấp mới Thẻ gồm:

- a) Công văn đề nghị của Thủ trưởng cơ quan gửi Bộ Công Thương đề nghị cấp Thẻ;
- b) Danh sách đề nghị cấp mới Thẻ (Phụ lục số 07);
- c) Ảnh công chức mặc trang phục ngành được đề nghị cấp Thẻ (02 ảnh cỡ 20mm x 30mm) chụp trong vòng 6 tháng có ghi rõ họ tên, cơ quan phía sau ảnh và trên phong bì đựng ảnh.

2. Hồ sơ cấp lại Thẻ gồm:

- a) Công văn đề nghị của Thủ trưởng cơ quan gửi Bộ Công Thương đề nghị cấp lại Thẻ;
- b) Danh sách đề nghị cấp lại Thẻ (Phụ lục số 07);
- c) Ảnh công chức mặc trang phục ngành đề nghị được cấp Thẻ (02 ảnh cỡ 20mm x 30mm) chụp trong vòng 6 tháng có ghi rõ họ tên, cơ quan phía sau ảnh và trên phong bì đựng ảnh.

3. Thời điểm xét duyệt cấp Thẻ vào tháng 4 và tháng 10 hằng năm. Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị cấp Thẻ về Bộ Công Thương (Thanh tra Bộ) trước 25 tháng 3 và 25 tháng 9 hằng năm. Trong trường hợp đột xuất hoặc do yêu cầu của công việc, Bộ Công Thương xem xét cấp Thẻ theo đề nghị của cơ quan.

**Điều 11. Sử dụng Thẻ**

1. Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành chỉ được sử dụng Thẻ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

2. Nghiêm cấm sử dụng Thẻ vào mục đích cá nhân, sử dụng Thẻ của người khác hoặc cho người khác mượn Thẻ để sử dụng. Trường hợp công chức sử dụng Thẻ trái quy định thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành phải có Thẻ trong quá trình tiến hành thanh tra.

**Điều 12. Tạm đình chỉ sử dụng Thẻ**

1. Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành ban hành Quyết định tạm đình chỉ sử dụng Thẻ đối với người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thuộc quyền quản lý và báo cáo về Bộ Công Thương một trong các trường hợp:

- a) Có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động thanh tra theo quy định của pháp luật mà chưa có quyết định xử lý;
- c) Đang trong thời gian bị tạm đình chỉ công tác để xem xét xử lý kỷ luật;
- d) Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách trở lên;

đ) Bị khởi tố, tạm giữ, tạm giam.

2. Sau khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền chứng minh người được cấp Thẻ không vi phạm pháp luật trong quá trình thực thi công vụ, Thủ trưởng cơ quan ban hành Quyết định hủy bỏ Quyết định tạm đình chỉ sử dụng Thẻ.

### **Điều 13. Thu hồi Thẻ**

Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành ban hành Quyết định thu hồi Thẻ của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành, cắt góc Thẻ trước khi nộp và báo cáo về Bộ Công Thương một trong các trường hợp:

a) Chuyển công tác sang cơ quan, đơn vị khác hoặc nghỉ hưu, thôi việc; từ trần khi đang trong thời gian công tác;

c) Bị Tòa án kết án bằng bản án hình sự có hiệu lực pháp luật hoặc bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức hạ bậc lương, giáng chức, cách chức, buộc thôi việc;

d) Mất năng lực hành vi dân sự.

### **Điều 14. Mẫu Thẻ**

1. Thẻ hình chữ nhật, rộng 61mm; dài 87mm gồm phôi Thẻ và màng bảo vệ. Phong chữ trình bày trên Thẻ là phong chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001.

2. Thẻ gồm 2 mặt

a) Mặt trước (Hình 1 theo Phụ lục số 10)

Dòng trên ghi Quốc hiệu Việt Nam “**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**”, cỡ chữ 9, chữ đậm, màu chữ vàng nhạt được in trên nền màu đỏ.

- Giữa mặt Thẻ là Quốc huy Việt Nam. Dòng dưới cùng ghi “**THẺ CÔNG CHỨC THANH TRA**”, cỡ chữ 12, chữ in hoa đậm, màu chữ vàng.

b) Mặt sau (Hình 2 theo Phụ lục số 10): Nền là hoa văn màu hồng tươi tạo thành các tia sáng lan tỏa từ tâm ra xung quanh; ở giữa có biểu tượng ngành thanh tra, in bóng mờ, đường kính 20mm góc bên trái in biểu tượng ngành thanh tra đường kính 14mm; từ góc trên bên trái (cách 10mm) đến góc dưới bên phải là gạch chéo màu đỏ rộng 6mm. Nội dung trên mặt sau có các thông tin:

- Quốc hiệu: Chữ in hoa, đậm, cỡ chữ 8;

- Tiêu ngữ: Chữ in thường, đậm, cỡ chữ 8, có gạch chân, bên trái có biểu tượng ngành thanh tra;

- “**THẺ CÔNG CHỨC THANH TRA CHUYÊN NGÀNH CÔNG THƯƠNG**”: Chữ in hoa, cỡ chữ 9;

- Mã số Thẻ: Chữ in thường, cỡ chữ 9;

- Họ và tên: Ghi họ và tên của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành, chữ in thường, cỡ chữ 9;

- Cơ quan: Ghi tên cơ quan người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra công tác, chữ in thường, cỡ chữ 9;

- Ngày, tháng, năm cấp Thẻ: Chữ in nghiêng, cỡ chữ 9;

- **BỘ TRƯỞNG**: Chữ in hoa, cỡ chữ 8;

- Chữ ký và họ tên của Bộ trưởng: Chữ in đậm, cỡ chữ 9;

- Dấu của Bộ Công Thương;

- Ảnh chân dung của người được cấp Thẻ, khổ 20mm x 30mm, được đóng dấu nổi ở góc phải phía dưới ảnh;

- Hạn sử dụng: Chữ in thường, cỡ chữ 7.

3. Thẻ được ép nhựa bảo vệ bên ngoài

4. Mã số Thẻ

Thẻ có mã số chung là A05. Cục quản lý thị trường cấp tỉnh có thêm mã số địa phương, nơi cơ quan đặt trụ sở chính (theo mẫu tại phụ lục số 08). Trong trường hợp thành lập Cục Quản lý thị trường liên tỉnh hoặc Cục thuộc Bộ có sự thay đổi về tên gọi, Bộ trưởng Bộ Công Thương sẽ ban hành Quyết định quy định cụ thể mã số Thẻ tại các Cục quản lý thị trường liên tỉnh, Cục thuộc Bộ có sự thay đổi về tên gọi.

Số thứ tự Thẻ bao gồm: Tên viết tắt của cơ quan theo quy định của Bộ Công Thương tiếp theo số Thẻ có 04 số (bắt đầu từ 0001), cụ thể:

- Tổng cục Quản lý thị trường - TCQLTT;

- Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh/liên tỉnh - QLTT;

- Cục Hóa chất - HC;

- Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp - ATMT;

- Cục Điều tiết Điện lực - ĐTĐL;

- Cục Xúc tiến thương mại - XTTM;

- Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số - TMĐT;

- Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – CT;

- Cục Phòng vệ Thương mại – PVTM;

- Cục Công nghiệp – CN.

Ví dụ: Mã số Thẻ của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tại Tổng cục Quản lý thị trường, số 25 là: A05-TCQLTT0025. Mã số Thẻ của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tại Cục Quản lý thị trường Hà Nội, số 52 là: A05-T01-QLTT0052.

**Điều 15. Bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành**

1. Thanh tra Bộ chịu trách nhiệm tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành cho Thanh tra viên, công chức được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành và công chức làm công tác thanh tra chuyên ngành Công Thương. Chánh Thanh tra Bộ ban hành Quyết định mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành trong đó quy định cụ thể về thời gian mở lớp, địa điểm mở lớp, cơ sở đào tạo bồi dưỡng được giao chủ trì tổ chức lớp và cấp Chứng chỉ hoàn thành khóa học cho các học viên và trách nhiệm của tổ chức cá nhân có liên quan. (Theo mẫu Phụ lục số 02).

2. Thanh tra Bộ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, cơ sở đào tạo có liên quan xây dựng chương trình, tài liệu và kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt và tổ chức bồi dưỡng theo kế hoạch.

3. Trước ngày 30 tháng 11 hằng năm, các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành tổng hợp danh sách công chức dự kiến tham gia đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành của năm sau gửi về Thanh tra Bộ để xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng. Thanh tra Bộ trình Bộ trưởng phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm sau trước ngày 25 tháng 12 hằng năm.

4. Công chức hoàn thành Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành được cấp Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ theo quy định.

#### **Điều 16. Kế hoạch thanh tra chuyên ngành của Bộ Công Thương**

1. Căn cứ hướng dẫn, định hướng của Thanh tra Chính phủ và chỉ đạo của các cơ quan cấp trên, theo yêu cầu quản lý nhà nước, Bộ Công Thương xây dựng Kế hoạch thanh tra hằng năm;

2. Chánh Thanh tra Bộ có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch thanh tra của Thanh tra Bộ, Tổng cục và tương đương, Cục thuộc Bộ Công Thương trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt (Theo mẫu tại Phụ lục số 03).

3. Tổng cục Quản lý thị trường có trách nhiệm tổng hợp Kế hoạch thanh tra của các Cục quản lý thị trường cấp tỉnh gửi Thanh tra Bộ tổng hợp trình Bộ trưởng phê duyệt và điều chỉnh.

4. Xây dựng Kế hoạch thanh tra hằng năm

a) Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh gửi dự thảo kế hoạch thanh tra hằng năm tới Thanh tra tỉnh trước khi gửi Tổng cục tổng hợp. Các Cục Quản lý thị trường có trách nhiệm gửi Tổng cục Quản lý thị trường Kế hoạch thanh tra của Cục để Tổng cục tổng hợp trước ngày 25 tháng 10 hằng năm;

b) Tổng cục và tương đương, Cục thuộc Bộ Công Thương có trách nhiệm gửi Thanh tra Bộ tổng hợp kế hoạch thanh tra hằng năm của cơ quan mình trước ngày 05 tháng 11 hằng năm;

5. Cơ quan chủ trì tiến hành thanh tra có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho đối tượng thanh tra về kế hoạch thanh tra trước ngày 05 tháng 12 hằng năm (theo mẫu Phụ lục số 05)

6. Kế hoạch thanh tra hằng năm được điều chỉnh nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đề xuất của Thanh tra Bộ;

b) Trong quá trình thực hiện kế hoạch thanh tra hằng năm đã được phê duyệt, nếu phát sinh chông chéo hoặc do các lý do khác thì Chánh Thanh tra Bộ đề xuất Bộ trưởng xem xét, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch thanh tra;

c) Đề xuất của Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

Căn cứ nhiệm vụ của cơ quan, yêu cầu quản lý, trong trường hợp cần thiết, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành đề xuất điều chỉnh kế hoạch thanh tra hằng năm để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao, trình người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thanh tra xem xét.

7. Nội dung, thủ tục trình phê duyệt điều chỉnh kế hoạch thanh tra như nội dung, thủ tục phê duyệt kế hoạch thanh tra hằng năm, trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh. Thanh tra Bộ trình Bộ trưởng xem xét điều chỉnh kế hoạch thanh tra hằng năm vào tháng 7, tháng 11 và đột xuất (Theo mẫu Phụ lục số 04).

8. Cơ quan chủ trì tiến hành thanh tra có trách nhiệm thông báo nội dung điều chỉnh kế hoạch thanh tra bằng văn bản cho đối tượng thanh tra chậm nhất là 10 ngày làm việc sau khi Bộ trưởng ký ban hành Quyết định điều chỉnh Kế hoạch thanh tra (Theo mẫu Phụ lục số 06).

9. Chánh Thanh tra Bộ có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch thanh tra hằng năm của Bộ Công Thương.

### **Điều 17. Tiêu chuẩn Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành tại cơ quan quản lý thị trường**

1. Tiêu chuẩn của Trưởng đoàn thanh tra theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 05/2014/TT-TTCP ngày 16 tháng 10 năm 2014 của Thanh tra Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động, quan hệ công tác của Đoàn thanh tra và trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra.

2. Người được giao nhiệm vụ Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành tại cơ quan Quản lý thị trường cấp tỉnh phải là kiểm soát viên chính thị trường trở lên hoặc Phó Đội trưởng hoặc Phó Trưởng phòng trở lên.

### **Điều 18. Quy định chuyển tiếp**

1. Các cơ quan khác thuộc Bộ Công Thương được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành áp dụng các quy định tại Thông tư này.

2. Chứng chỉ hoặc Giấy Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành theo quy định tại Thông tư số 15/2016/TT-BCT ngày 10 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn một số quy định về thanh

tra chuyên ngành Công Thương được cấp sau ngày 21 tháng 10 năm 2017 tiếp tục có giá trị theo quy định.

3. Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành đã được cấp theo quy định tại Thông tư số 15/2016/TT-BCT tiếp tục có giá trị sử dụng cho đến khi hết thời hạn sử dụng Thẻ.

4. Trong trường hợp Thanh tra Chính phủ có quy định khác về tiêu chuẩn của người được giao nhiệm vụ Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành thì áp dụng theo quy định của Thanh tra Chính phủ.

### **Điều 19. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2020 và thay thế Thông tư số 15/2016/TT-BCT ngày 10 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn một số quy định về thanh tra chuyên ngành Công Thương.

2. Chánh Thanh tra Bộ, Thủ trưởng các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Công Thương để được hướng dẫn. /.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các Sở Công Thương, Công báo;
- Website Chính phủ, Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, PC, TTB (03)

**BỘ TRƯỞNG**



**Trần Tuấn Anh**

*Handwritten signature in blue ink at the bottom right corner.*

**PHỤ LỤC SỐ 01**  
**QUYẾT ĐỊNH PHÂN CÔNG CÔNG CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THANH**  
**TRA CHUYÊN NGÀNH**  
 (Kèm theo Thông tư số 14/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng  
 Bộ Công Thương)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
TÊN CƠ QUAN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ- ..... , ngày ..... tháng ..... năm 20...

**QUYẾT ĐỊNH**

**VỀ VIỆC PHÂN CÔNG CÔNG CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH**  
**THẨM QUYỀN BAN HÀNH**

Căn cứ Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 127/2015/NĐ-CP quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Công Thương, Nghị định số 54/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 127/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số /2020/TT-BCT ngày tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ...

Căn cứ...

Xét đề nghị của .....,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân công công chức thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành (có danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Nhiệm vụ, quyền hạn của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

**Điều 3.** Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành được hưởng chế độ bồi dưỡng theo quy định hiện hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều...;
- .....
- Lưu: VT, .....

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN**

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên



**DANH SÁCH NGƯỜI ĐƯỢC GIAO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THANH TRA  
CHUYÊN NGÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- , ngày tháng năm của )

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ
1			
2			
3			
...			

**PHỤ LỤC SỐ 02**  
**QUYẾT ĐỊNH MỞ LỚP BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ THANH TRA**  
**CHUYÊN NGÀNH**

(Kèm theo Thông tư số 4/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng  
 Bộ Công Thương)

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**THANH TRA BỘ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-TTB

Hà Nội, ngày tháng năm 20

**QUYẾT ĐỊNH**

**Mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành**

**CHÁNH THANH TRA BỘ CÔNG THƯƠNG**

Căn cứ Nghị định số 127/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Công Thương, Nghị định số 54/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 127/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số / 2020/TT-BCT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn một số quy định về thanh tra chuyên ngành Công Thương;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra chuyên ngành và Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp và Phòng chống tham nhũng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành Công Thương năm ... tại ...

**Điều 2.** Giao Trường ... chuẩn bị các điều kiện mở lớp và cấp Chứng chỉ bồi dưỡng cho các học viên theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Trưởng phòng Thanh tra chuyên ngành, Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp và Phòng chống tham nhũng, Hiệu trưởng Trường ... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (B/c);
- Lưu: TTB, P2, P5.

**CHÁNH THANH TRA**





**BỘ CÔNG THƯƠNG****PHỤ LỤC  
KẾ HOẠCH THANH TRA DO ... CHỦ TRÌ**

STT	Đơn vị được thanh tra	Nội dung thanh tra	Thời kỳ thanh tra	Thời gian thanh tra	Cơ quan phối hợp
1					
2					

**PHỤ LỤC SỐ 04**

**QUYẾT ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH THANH TRA HÀNG NĂM**  
(Kèm theo Thông tư số: 14 /2020/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 20

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc điều chỉnh Kế hoạch thanh tra năm 20**

**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-TTCP ngày 23 tháng 4 năm 2014 của Thanh tra Chính phủ quy định việc xây dựng, phê duyệt định hướng chương trình thanh tra, kế hoạch thanh tra;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 20 của Bộ Công Thương đối với một số đơn vị (*Phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Thủ trưởng các cơ quan chủ trì thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm thông báo nội dung điều chỉnh tới đối tượng thanh tra, kiểm tra theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Thủ trưởng các Vụ, Cục, Tổng cục và các đơn vị được thanh tra, kiểm tra chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thanh tra Chính phủ;
- Lưu: VT, TT.B.

**BỘ TRƯỞNG**


**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH THANH TRA NĂM ... LẦN 1, 2...**

STT	Đối tượng thanh tra	Cơ quan chủ trì thanh tra	Nội dung điều chỉnh
1			
2			

*Handwritten signature*

**PHỤ LỤC SỐ 05  
THÔNG BÁO KẾ HOẠCH THANH TRA**

(Kèm theo Thông tư số: 14/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

**CƠ QUAN CẤP TRÊN  
CƠ QUAN CHỦ TRÌ  
THANH TRA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-

, ngày tháng năm 20

**THÔNG BÁO  
Kế hoạch thanh tra năm 20**

Ngày tháng năm 20 , Bộ trưởng Bộ Công Thương ký Quyết định số /QĐ-BCT về việc phê duyệt kế hoạch thanh tra năm 20 của Bộ Công Thương. Theo quy định tại khoản 5 Điều 36 Luật Thanh tra năm 2010, cơ quan chủ trì thanh tra thông báo tới đối tượng thanh tra, cụ thể:

Cơ quan chủ trì thanh tra:

Nội dung thanh tra:

Thời gian thanh tra:

Thời kỳ thanh tra:

Trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Đối tượng thanh tra;
- Thanh tra Bộ;
- Lưu: .

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN**

(Ký, đóng dấu)

**PHỤ LỤC SỐ 06****THÔNG BÁO ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH THANH TRA**

(Kèm theo Thông tư số: 14 /2020/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

**CƠ QUAN CẤP TRÊN**  
**CƠ QUAN CHỦ TRÌ**  
**THANH TRA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

, ngày tháng năm 20

Số: /TB-

**THÔNG BÁO****Điều chỉnh Kế hoạch thanh tra năm 20**

Ngày tháng năm 20, Bộ trưởng Bộ Công Thương ký Quyết định số /QĐ-BCT về việc điều chỉnh Kế hoạch thanh tra năm 20 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. Theo quy định tại khoản 5 Điều 36 Luật Thanh tra năm 2010, cơ quan chủ trì thanh tra thông báo tới đối tượng thanh tra điều chỉnh kế hoạch thanh tra, cụ thể:

Cơ quan chủ trì thanh tra:

Nội dung thanh tra:

Thời gian thanh tra:

Thời kỳ thanh tra:

Trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Đối tượng thanh tra;
- Thanh tra Bộ;
- Lưu: .

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN**

(Ký, đóng dấu)

**PHỤ LỤC SỐ 07****DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP MỚI/CẤP LẠI THẺ CÔNG CHỨC THANH TRA  
CHUYÊN NGÀNH**

(Kèm theo Thông tư số: 14/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng  
Bộ Công Thương)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
TÊN CƠ QUAN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH  
ĐỀ NGHỊ CẤP MỚI/CẤP LẠI THẺ CÔNG CHỨC THANH TRA  
CHUYÊN NGÀNH**

(Kèm theo Công văn số: ... ngày ..... tháng ..... năm ..... của ...)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tên ngạch công chức hiện giữ và mã số ngạch	Chức vụ	Chứng nhận nghiệp vụ TTCN	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
1						Cấp mới/ Cấp lại
2						
3						
...						

Công chức đầu mỗi được giao nhiệm vụ có liên quan tới cấp Thẻ:

- Ông/bà:
- Chức vụ:
- Số điện thoại:
- Email:

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN**  
(Ký, đóng dấu)

## PHỤ LỤC SỐ 08

## MÃ SỐ CƠ QUAN QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG CẤP TỈNH

(Kèm theo Thông tư số: 14 /2020/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Mã số	Mã cơ quan Quản lý thị trường cấp tỉnh
1.	T01	Cục quản lý thị trường thành phố Hà Nội
2.	T02	Cục quản lý thị trường thành phố Hồ Chí Minh
3.	T03	Cục quản lý thị trường thành phố Hải Phòng
4.	T04	Cục quản lý thị trường thành Phố Đà Nẵng
5.	T05	Cục quản lý thị trường thành phố Cần Thơ
6.	T10	Cục quản lý thị trường tỉnh Hà Giang
7.	T11	Cục quản lý thị trường tỉnh Cao Bằng
8.	T12	Cục quản lý thị trường tỉnh Lai Châu
9.	T67	Cục quản lý thị trường tỉnh Điện Biên
10.	T13	Cục quản lý thị trường tỉnh Lào Cai
11.	T14	Cục quản lý thị trường tỉnh Tuyên Quang
12.	T15	Cục quản lý thị trường tỉnh Lạng Sơn
13.	T16	Cục quản lý thị trường tỉnh Thái Nguyên
14.	T60	Cục quản lý thị trường tỉnh Bắc Kạn
15.	T17	Cục quản lý thị trường tỉnh Yên Bái
16.	T18	Cục quản lý thị trường tỉnh Sơn La
17.	T19	Cục quản lý thị trường tỉnh Phú Thọ
18.	T61	Cục quản lý thị trường tỉnh Vĩnh Phúc

*Handwritten signature and initials*

19.	T20	Cục quản lý thị trường tỉnh Quảng Ninh
20.	T62	Cục quản lý thị trường tỉnh Bắc Ninh
21.	T21	Cục quản lý thị trường tỉnh Bắc Giang
22.	T24	Cục quản lý thị trường tỉnh Hòa Bình
23.	T23	Cục quản lý thị trường tỉnh Hải Dương
24.	T63	Cục quản lý thị trường tỉnh Hưng Yên
25.	T64	Cục quản lý thị trường tỉnh Hà Nam
26.	T25	Cục quản lý thị trường tỉnh Nam Định
27.	T26	Cục quản lý thị trường tỉnh Thái Bình
28.	T27	Cục quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa
29.	T28	Cục quản lý thị trường tỉnh Ninh Bình
30.	T29	Cục quản lý thị trường tỉnh Nghệ An
31.	T30	Cục quản lý thị trường tỉnh Hà Tĩnh
32.	T31	Cục quản lý thị trường tỉnh Quảng Bình
33.	T32	Cục quản lý thị trường tỉnh Quảng Trị
34.	T33	Cục quản lý thị trường tỉnh Thừa Thiên - Huế
35.	T34	Cục quản lý thị trường tỉnh Quảng Nam
36.	T35	Cục quản lý thị trường tỉnh Quảng Ngãi
37.	T36	Cục quản lý thị trường tỉnh Kon Tum
38.	T37	Cục quản lý thị trường tỉnh Bình Định
39.	T38	Cục quản lý thị trường tỉnh Gia Lai
40.	T39	Cục quản lý thị trường tỉnh Phú Yên
41.	T40	Cục quản lý thị trường tỉnh Đắk Lắk



42.	T68	Cục quản lý thị trường tỉnh Đắk Nông
43.	T41	Cục quản lý thị trường tỉnh Khánh Hòa
44.	T42	Cục quản lý thị trường tỉnh Lâm Đồng
45.	T43	Cục quản lý thị trường tỉnh tỉnh Bình Dương
46.	T65	Cục quản lý thị trường tỉnh tỉnh Bình Phước
47.	T44	Cục quản lý thị trường tỉnh tỉnh Ninh Thuận
48.	T45	Cục quản lý thị trường tỉnh tỉnh Tây Ninh
49.	T46	Cục quản lý thị trường tỉnh tỉnh Bình Thuận
50.	T47	Cục quản lý thị trường tỉnh tỉnh Đồng Nai
51.	T48	Cục quản lý thị trường tỉnh tỉnh Long An
52.	T49	Cục quản lý thị trường tỉnh tỉnh Đồng Tháp
53.	T50	Cục quản lý thị trường tỉnh tỉnh An Giang
54.	T51	Cục quản lý thị trường tỉnh tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
55.	T52	Cục quản lý thị trường tỉnh tỉnh Tiền Giang
56.	T53	Cục quản lý thị trường tỉnh tỉnh Kiên Giang
57.	T55	Cục quản lý thị trường tỉnh tỉnh Bến Tre
58.	T56	Cục quản lý thị trường tỉnh tỉnh Vĩnh Long
59.	T57	Cục quản lý thị trường tỉnh tỉnh Trà Vinh
60.	T58	Cục quản lý thị trường tỉnh tỉnh Sóc Trăng
61.	T54	Cục quản lý thị trường tỉnh tỉnh Hậu Giang
62.	T66	Cục quản lý thị trường tỉnh tỉnh Bạc Liêu
63.	T59	Cục quản lý thị trường tỉnh tỉnh Cà Mau

**PHỤ LỤC SỐ 09**  
**QUYẾT ĐỊNH CẤP THẺ CÔNG CHỨC THANH TRA CHUYÊN NGÀNH**  
**CÔNG THƯƠNG**

(Kèm theo Thông tư số **4**/2020/TT-BCT ngày **30** tháng **6** năm 2020 của Bộ trưởng  
 Bộ Công Thương)

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

Số: /QĐ-BCT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 20

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cấp mới và cấp lại Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành**

**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

Căn cứ Nghị định số 127/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Công Thương, Nghị định số 54/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 127/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số /2020/TT-BCT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn một số quy định về thanh tra chuyên ngành Công Thương;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp mới/cấp lại Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành cho công chức đủ điều kiện (*Danh sách kèm theo*).

**Điều 2.** Người được cấp Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành có trách nhiệm quản lý, sử dụng Thẻ theo quy định tại Thông tư số /2020/TT-BCT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Thủ trưởng cơ quan có công chức được cấp Thẻ và công chức được cấp Thẻ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,TTB.

**BỘ TRƯỞNG**

**BỘ CÔNG THƯƠNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****DANH SÁCH CÔNG CHỨC ĐƯỢC CẤP MỚI/CẤP LẠI THẺ CÔNG CHỨC THANH TRA CHUYÊN NGÀNH TẠI ...**

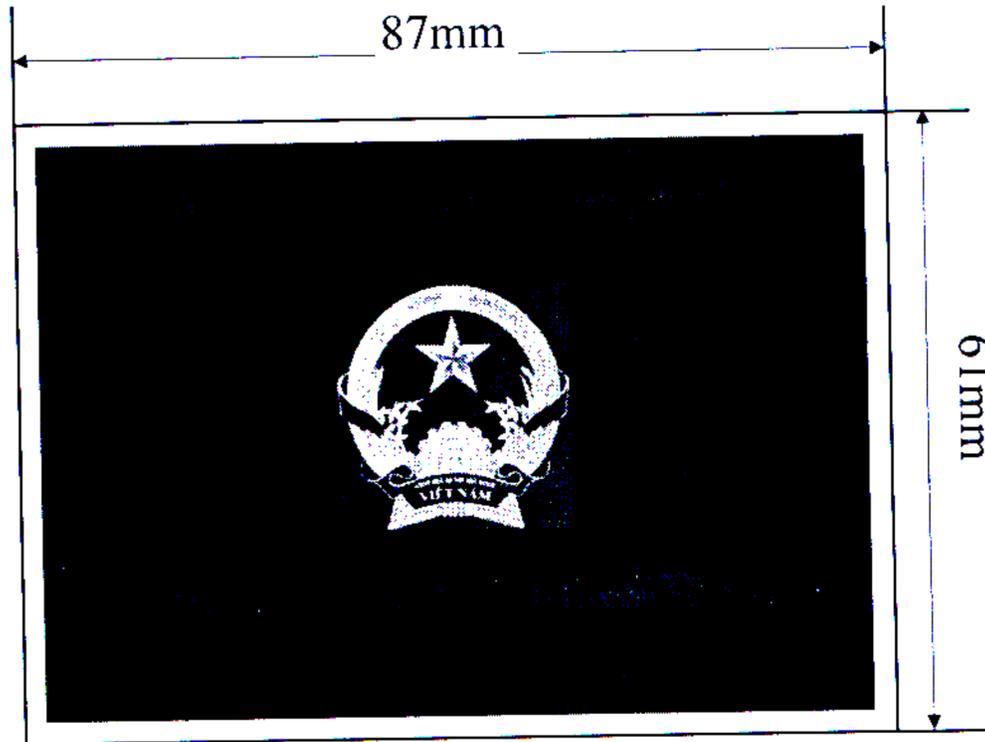
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BCT ngày tháng năm 20 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

<b>TT</b>	<b>Họ và Tên</b>	<b>Số thẻ</b>	<b>Ghi chú</b>
1			Cấp mới/Cấp lại
2			
3			
4			
5			

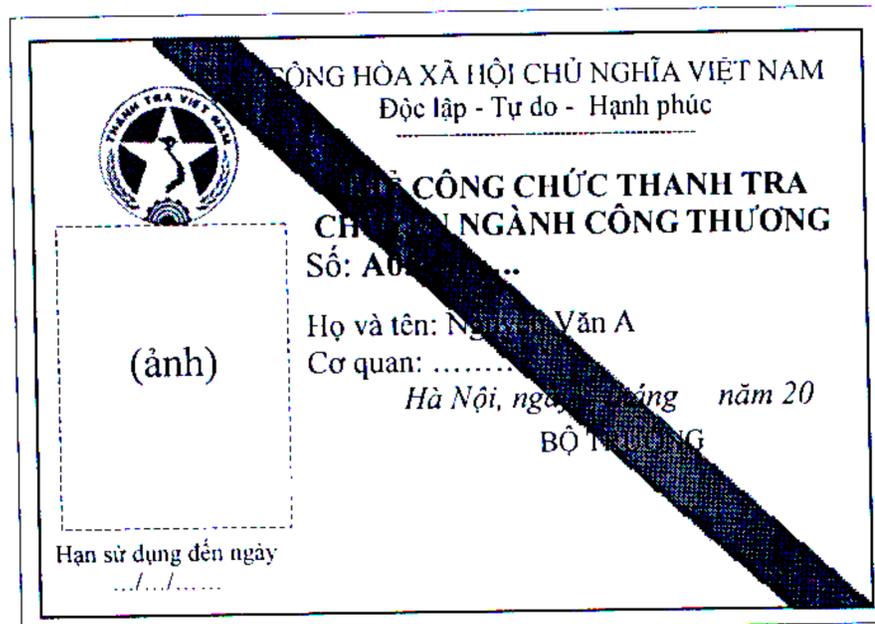
# PHỤ LỤC SỐ 10 MẪU THẺ CÔNG CHỨC THANH TRA CHUYÊN NGÀNH CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 14 /2020 /TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Hình 1. Mặt trước



Hình 2. Mặt sau



*Handwritten signature*